TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BÌNH LONG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 08-4-2021
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Đức

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Minh Đức

2. Bà Nông Thị Giới

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tân Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Hùng Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 65/2020/TLST - HNGĐ ngày 27/11/2020 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 01/3/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐST- HNGĐ ngày 17/3/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Như H**, sinh năm 1997 (Có mặt)

Bị đơn: Ông **Lê Văn T**, sinh năm 1989 (Vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: Tổ 10, ấp SB, xã ThPh, thị xã BL, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 20/11/2020 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị Như H trình bày:*

Bà và ông Lê Văn T tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Phú, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước vào ngày 17/01/2018. Sau khi kết hôn bà và ông T sống chung với gia đình bà H tại tổ 10, ấp Sóc Bế, xã Thanh Phú, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng chung sống hạnh phúc 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã, mỗi lần cãi nhau ông T đánh đập bà.

Bà và ông T có 01 con chung tên Lê Huỳnh Cẩm T, sinh ngày 08/5/2018. Ngoài ra không nhận ai làm con nuôi, hiện tại bà không có mang thai.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn T. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn Lê Văn T vắng mặt, không có bản khai tại Tòa án.*

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập làm việc; Thông báo về phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho ông Lê Văn T nhưng ông T vẫn vắng mặt lần thứ 02 không có lý do.

*** Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:**

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án:* Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên cho nguyên đơn bà Phạm Thị Như H được ly hôn với bị đơn ông Lê Văn T. Giao con chung tên Lê Huỳnh Cẩm T, sinh ngày 08/5/2018 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Về án phí bà H phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Đây là vụ án tranh chấp ly hôn do nguyên đơn bà Phạm Thị Như H (Sau đây gọi tắt là bà H) khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Lê Văn T (Sau đây gọi tắt là ông T) theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, do bị đơn ông T cư trú tại tổ 10, ấp Sóc Bế, xã Thanh Phú, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước, nên vụ án thuộc

thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thị xã Bình Long. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông T nhưng tại phiên tòa, ông T vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông T.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà H và ông T tự nguyện kế hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Phú, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước vào ngày 17/01/2018. Việc kết hôn của bà H và ông T là đúng theo quy định tại Điều 9 và không vi phạm điều kiện kết hôn theo quy định tại điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] *Về mâu thuẫn vợ chồng:* Bà H trình bày cuộc sống hôn nhân của bà và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã, mỗi lần cãi nhau ông T đánh đập bà. Ngày 29/01/2021, Tòa án tiến hành xác minh quan hệ hôn nhân của bà H và ông T tại ấp Sóc Bế, xã Thanh Phú được cung cấp thông tin như sau: *"Sau khi kết hôn ông T, bà H sinh sống tại địa chỉ tổ 10, ấp Sóc Bế, xã Thanh Phú, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước. Quá trình chung sống ông T, bà H thường xảy ra mâu thuẫn, hay cãi nhau, gây gỗ và đánh nhau"*. Lời khai của bà H hoàn toàn phù hợp với kết quả xác minh trên, do đó có căn cứ xác định hôn nhân của bà H và ông T mâu thuẫn trầm trọng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, nhưng bị đơn ông T vắng mặt không có lý do nên không tiến hành hòa giải đoàn tụ được. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã phân tích các nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, các hậu quả về xã hội và gia đình sau khi vợ chồng ly hôn, nhưng bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông T.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng làm cho tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông T trở nên trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà H đối với bị đơn ông T.

[4] *Về con chung:* Bà H và ông T có 01 con chung tên là Lê Huỳnh Cẩm T, sinh ngày 08/5/2018, bà H yêu cầu sau khi ly hôn, được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông tuân cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu T là

nữ, chưa đủ 36 tháng tuổi, bà H có việc làm và thu nhập ổn định, có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do đó, nhằm để đảm bảo sự ổn và phát triển mọi mặt của cháu T cần giao cháu T cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Án phí sơ thẩm*: Căn cứ vào khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 và Danh mục án phí lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định " *Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn""Đối với tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình...không có giá ngạch án phí là 300.000 đồng*. Do đó, nguyên đơn bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[7] *Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, cho bà H được ly hôn với ông T. Giao con chung tên Lê Huỳnh Cẩm T, sinh ngày 08/5/2018 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Về án phí bà H phải chịu theo quy định của pháp luật là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 và Danh mục án phí lệ phí tòa án ban hành kèm theo Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Như H.

Bà Phạm Thị Như H, sinh năm 1997 được ly hôn với ông Lê Văn T, sinh năm 1989.

Về con chung*:* Giao con chung là Lê Huỳnh Cẩm T, sinh ngày 08/5/2018 cho bà Phạm Thị Như H trực tiếp nuôi dưỡng. Bà H không yêu cầu ông Lê Văn T cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lê Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Như H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng)* đồng bà H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004997 ngày 27/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước. Ông Lê Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Bình Long;
- Chi cục THADS thị xã Bình Long;
- UBND xã Thanh Phú, Tx Bình Long
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hữu Đức